

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/HS-ST

Ngày: 29-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Ông Trần Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2017/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Nhựt T (tên gọi khác Na), sinh năm 1986, tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 18/13, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Trọng S, sinh năm 1952 (chết năm 2017) và bà Lê Thị C, sinh năm 1953; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/8/2017; hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 06/9/2017; bị cáo tại ngoại; bị cáo có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đồng thời là người làm chứng:*

1. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.
2. Ông Lý Thanh T, sinh năm 1957; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn DD, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 40, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

4. Ông Thạch T (tên gọi khác Đen), sinh ngày 30/10/2000; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho ông Thạch T: Ông Thạch D; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

5. Ông Lưu Thế P (tên gọi khác È), sinh năm 1977; địa chỉ: Số 60/5/11, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

6. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 13, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

7. Ông Trần Văn P (tên gọi khác Bình), sinh năm 1949; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

8. Ông Trần Anh Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 98, khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

9. Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 14/7, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác Cu), sinh năm 1958; địa chỉ: Số 06/4, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

12. Ông Bùi Thanh D (tên gọi khác Gọ), sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

13. Ông Trương Hoài T, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 16/13, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

14. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

15. Ông Bùi Văn G, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

16. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 114/19/12 Tam Châu, khu phố 1, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

17. Bà Võ Thị Ngọc G (tên gọi khác Chính), sinh năm 1970; địa chỉ: Số 147/13, khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

18. Bà Phạm Thị Cẩm N (tên gọi khác Bé Nga); sinh năm 1983; địa chỉ: 11A/5, ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

19. Ông Trương Hoài B (tên gọi khác Heo), sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

20. Bà Võ Thị Thu T (tên gọi khác Cỏ), sinh năm 1976; địa chỉ: Số 2/18, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

21. Ông Phạm Công T (tên gọi khác Răng), sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

22. Ông Hồ Hữu A (tên gọi khác Ben), sinh năm 1982; địa chỉ: Số 20/8, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

23. Ông Đặng Anh T (tên gọi khác T cửa sắt), sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Nhựt T không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng giữa tháng 7/2017, Tân gặp một người nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) tại một quán cà phê (không rõ tên hiệu) thuộc thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương sau khi làm quen, biết người nữ này nhận thầu đề nên T nảy sinh ý định ghi số đề và giao lại cho người nữ này thầu đề hưởng hoa hồng. Liên đó, T kêu người nữ này nhận thầu đề cho T, người nữ này đồng ý. T và người nữ này thỏa thuận, hàng ngày T sẽ ghi số đề cho các con bạc sau đó sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0983.901.758 của T nhắn tin các số đề ghi được trong ngày cho người nữ này thầu, qua số thuê bao 0962.239.037. Sáng ngày hôm sau, người nữ này sẽ đến nhà T để thu tiền ghi đề được (nếu thắng) và chung tiền cho T trả cho các con bạc (nếu thua) và T sẽ được hưởng 4% số tiền hoa hồng trên tổng số tiền ghi đề được trong ngày.

Sau khi thỏa thuận với người nữ nhận thầu đề. Hàng ngày, Lưu Nhựt T ở nhà tại khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, nhận ghi số đề cho các con bạc từ 07 giờ 00 phút cho đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, ở các đài xổ số kiến thiết các tỉnh Miền Nam. Con bạc có thể ghi đề trực tiếp với T hoặc nhắn tin số đề muốn ghi đến số thuê bao 0983.901.758 của T, nếu đồng ý nhận ghi số đề T xác nhận lại bằng cách gửi tin nhắn có nội dung “OK” cho con bạc. Trong thời gian ghi đề, để giữ được số lượng con bạc tham gia ghi đề với T, T tính chiết khấu 20% số tiền con bạc ghi đề trên tổng số tiền thực tế con bạc phải trả cho T. Sau khi các con bạc ghi đề cho T xong, đến khoảng 16 giờ hàng ngày, T ngừng nhận ghi đề và tổng hợp thành một phôi đề. Sau đó, T dùng điện thoại di động hiệu Asus màu trắng đen, có số thuê bao 0983.901.758 nhắn tin giao các số đề ghi được đến số thuê bao 0962.239.037 cho người nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) thầu đề. Hình thức ghi số đề như sau:

- Bao lô hai con số tức là ghi số trên 18 lô số của đài xổ số với hai số tính từ hàng đơn vị, hàng chục từ giải tám đến giải đặc biệt với tỉ lệ 1 thắng 70.

- Bao lô ba con số tức là ghi số trên 17 lô số của đài xổ số với ba số tính từ hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm từ giải bảy đến giải đặc biệt với tỉ lệ 01 thắng 600.

- Đầu đuôi hai con số tức là ghi số trên hai lô số của giải tám và giải đặc biệt đài xổ số với hai số tính từ hàng đơn vị, hàng chục với tỉ lệ 01 thắng 70.

- Xỉu chủ ba con số tức là ghi số trên hai lô số của giải bảy và giải đặc biệt đài xổ số với ba số tính từ hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm với tỉ lệ 01 thắng 600.

- Đá vòng hai con số tức là ghi hai cặp số trên 18 lô số của một đài xổ số với hai số tính từ hàng đơn vị, hàng chục với tỉ lệ 01 thắng 600.

- Đá chéo hai con số tức là ghi hai cặp số trên 18 lô số của cả hai đài xổ số với hai số tính từ hàng đơn vị, hàng chục với tỉ lệ 01 thắng 500.

Khoảng 15 giờ 55 phút ngày 07/8/2017, khi Lưu Nhựt T đang ghi đề cho Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979, ngụ tại khu phố 5, thị trấn D, huyện D tại nhà của T thì bị Công an huyện D phối hợp với Công an thị trấn D phát hiện bắt quả tang cùng tang vật, thu giữ:

- 01 (một) cuốn tập học sinh hiệu Tiên Phát in bìa thể hệ mới bên trong có 20 trang giấy, có 05 trang được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 05 có ghi chữ và số, có chữ ký của Lưu Nhựt T.

- 07 (bảy) cuốn tập học sinh hiệu Tiên Phát in bìa thể hệ mới chưa sử dụng, có chữ ký của Lưu Nhựt T.

- 45 (bốn mươi lăm) tờ giấy trắng kích thước 4,5x21cm.

- 03 (ba) tờ giấy than kích thước 4,5x21cm.

- 08 (tám) tờ giấy than kích thước 14x21cm.

- 02 (hai) tờ giấy kích thước 4,5x8cm được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 02 có ghi chữ và số, có chữ ký của Nguyễn Thanh H.

- 01 (một) máy tính điện tử hiệu CASIO loại DX 120S

- 10 (mười) cây viết bi các loại.

- 01 (một) điện thoại di động ASUS màu trắng – đen, số IMEI: 356586063766743 có số thuê bao 0983.901.758; có 13 tin nhắn của 13 số điện thoại khác nhau;

- 01 (một) điện thoại di động SoNy G3116 màu nâu, số IMEI: 357442080323523.

- Tiền Việt Nam: 4.040.000 đồng (bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định trong thời gian ghi đề từ giữa tháng 07/2017 đến ngày bị bắt (07/8/2017), mỗi ngày Lưu Nhựt T ghi đề cho từ 10 đến 20 con bạc ở các đài xổ số kiến thiết Miền Nam, với số tiền ghi đề từ khoảng 4.000.000

đồng đến 10.000.000 đồng, thu lợi bất chính mỗi ngày khoảng 200.000 đồng. Riêng ngày 07/8/2017, T nhận ghi đề cho 23 con bạc (gồm 22 con bạc ghi đề ở hai đài là đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh và đài xổ số Đồng Tháp và 01 con bạc ghi đề đài xổ số Đồng Tháp) với tổng số tiền ghi đề là 10.127.000 đồng (trong đó con bạc ghi ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh với tổng số tiền ghi đề là 7.475.000 đồng và con bạc ghi đài xổ số tỉnh Đồng Tháp với tổng số tiền ghi đề là 2.652.000 đồng). Thu lợi bất chính số tiền 404.000 đồng, nhưng chưa có kết quả thắng thua thì bị phát hiện bắt quả tang. Cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979, ngụ tại khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với Lưu Nhựt T với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 180.000 đồng, ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế H phải trả cho T là 150.000 đồng và H đã đưa tiền cho T.

2. Hồ Hữu A, sinh năm 1982, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 480.000 đồng ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế A phải trả cho T là 400.000 đồng và A đã đưa tiền cho T.

3. Phạm Công T, sinh năm 1986, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 36.000 đồng ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Phạm Công T phải trả cho T là 30.000 đồng và Phạm Công T đã đưa tiền cho T.

4. Bùi Văn G, sinh năm 1978, ngụ tại khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 350.000 đồng ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế G phải trả cho T là 300.000 đồng và G đã đưa tiền cho T.

5. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1958, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 411.000 đồng ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Nguyễn Ngọc T phải trả cho T là 342.000 đồng và Nguyễn Ngọc T đã đưa tiền cho T.

6. Lưu Thế P, sinh năm 1977, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 24.000 đồng ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế P phải trả cho T là 20.000 đồng và P đã đưa tiền cho T.

7. Bùi Thanh D, sinh năm 1981, ngụ tại khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 1.062.000 đồng ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế D phải trả cho T là 850.000 đồng và D đã đưa tiền cho T.

8. Thạch T, sinh ngày 30/10/2000, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 18.000 đồng ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Thạch T phải trả cho T là 15.000 đồng và Thạch T đã đưa tiền cho T.

9. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1961, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 125.000 đồng ở đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh và đài xổ số Đồng Tháp. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Q phải trả cho T là 100.000 đồng (trong đó đài Thành phố Hồ Chí Minh là 70.000 đồng, đài Đồng Tháp là 30.000 đồng) và Q đã đưa tiền cho T.

10. Trương Hoài T, sinh năm 1959, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 60.000 đồng ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh và đài xổ số Đồng Tháp. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Trương Hoài T phải trả cho T là 50.000 đồng (trong đó đài thành phố Hồ Chí Minh là 35.000 đồng, đài Đồng Tháp là 15.000 đồng) và Trương Hoài T đã đưa tiền cho T.

11. Đặng Thị T, sinh năm 1964, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 154.000 đồng, ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh và đài xổ số Đồng Tháp. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Đặng Thị T phải trả cho T là 130.000 đồng (trong đó đài Thành phố Hồ Chí Minh là 87.000 đồng, đài Đồng Tháp là 43.000 đồng) và Đặng Thị T đã đưa tiền cho T.

12. Trương Hoài B, sinh năm 1984, ngụ tại khu phố 3 thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 96.000 đồng ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh và đài xổ số Đồng Tháp. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế B phải trả cho T là 80.000 đồng (trong đó đài Thành phố Hồ Chí Minh là 50.000 đồng, đài Đồng Tháp là 30.000 đồng) và B đã đưa tiền cho T.

13. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 24.000 đồng ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh và đài xổ số Đồng Tháp. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Đ phải trả cho T là 20.000 đồng (trong đó đài Thành phố Hồ Chí Minh là 10.000 đồng, đài Đồng Tháp là 10.000 đồng) và Đ đã đưa tiền cho T.

14. Trần Văn P, sinh năm 1949, ngụ tại khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 556.000 đồng ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh và đài xổ số Đồng Tháp. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế P phải trả cho T là 440.000 đồng (trong đó đài Thành phố Hồ Chí Minh là 395.000 đồng, đài Đồng Tháp là 45.000 đồng) và P đã đưa tiền cho T.

15. Đặng Anh T, sinh năm 1978, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 2.404.000 đồng, ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh và đài xổ số Đồng Tháp. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Đặng Anh T phải trả cho T là 2.000.000 đồng (trong đó đài Thành phố Hồ Chí Minh là 1.000.000 đồng, đài Đồng Tháp là 1.000.000 đồng) và Đặng Anh T đã đưa tiền cho T.

16. Trần Anh Đ, sinh năm 1983, ngụ tại khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 112.000 đồng ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Đ phải trả cho T là 90.000 đồng và Đ đã đưa tiền cho T 87.000 đồng, còn nợ 3.000 đồng.

17. Võ Thị Ngọc G, sinh năm 1970, ngụ tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi qua tin nhắn số điện thoại 0986.025.857, số tiền ghi trên phôi đề là 1.495.000 đồng, ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế G phải trả cho T là 1.190.000 đồng nhưng G chưa đưa tiền cho T.

18. Trịnh Văn T, sinh năm 1977, ngụ tại khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi qua tin nhắn số điện thoại 01658246801 với Tân tổng số tiền ghi trên phôi đề là 620.000 đồng, ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Trịnh Văn T phải trả cho T là 520.000 đồng nhưng Trịnh Văn T chưa đưa tiền cho T.

19. Võ Thị Thu T, sinh năm 1976, ngụ tại khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi qua tin nhắn số điện thoại 01656814857 với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 180.000 đồng, ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế Võ Thị Thu T phải trả cho T là 150.000 đồng nhưng Võ Thị Thu T chưa đưa tiền cho T.

20. Phạm Thị Cẩm N, sinh năm 1983, ngụ tại ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi qua tin nhắn số điện thoại 0938930422 với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 4.092.000 đồng ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh và đài xổ số Đồng Tháp. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế N phải trả cho T là 3.150.000 đồng nhưng N chưa đưa tiền cho T.

21. Phạm Hoàng V, sinh năm 1968, ngụ tại ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 119.000 đồng ở đài xổ số tỉnh Đồng Tháp. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế V phải trả cho T là 100.000 đồng và V đã đưa tiền cho T.

22. Một người nam tên gọi “Future” (không rõ nhân, thân lai lịch), ghi trực tiếp với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là 405.000 đồng ở đài xổ số Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20% nên số tiền thực tế người nam này phải trả cho T là 340.000 đồng và người nam này đã đưa tiền cho T.

23. Một người nam tên gọi “Nam” (không rõ nhân thân, lai lịch), ghi qua tin nhắn số điện thoại 01282.881.727 với T tổng số tiền ghi trên phôi đề là

360.000 đồng ở đại xô số Thành phố Hồ Chí Minh. Do được chiết khấu 20 % nên số tiền thực tế người nam này phải trả cho T là 280.000 đồng nhưng chưa đưa tiền cho T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lưu Nhựt T về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điều h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Lưu Nhựt T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

* Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên:

+ Tịch thu sung công quỹ:

- Số tiền 5.013.000 đồng mà Trần Anh Đ, Võ Thị Ngọc G, Trịnh Văn T, Võ Thị Thu T, Phạm Thị Cẩm N giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng;

- Số tiền 4.834.000 đồng (gồm 4.040.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang và 794.000 đồng Lưu Nhựt T giao nộp do có được từ việc thu tiền ghi đề của các con bạc trong ngày 07/8/2017);

- 01 (một) máy tính điện tử hiệu CASIO loại ĐX 120S; 01 (một) điện thoại di động ASUS màu trắng – đen, số IMEI: 356586063766743.

+ Tịch thu tiêu hủy: 07 cuốn tập học sinh hiệu Tiên Phát in bìa thể hệ mới chưa sử dụng, có chữ ký của Lưu Nhựt T; 45 tờ giấy trắng kích thước 4,5x21cm; 03 (ba) tờ giấy than kích thước 4,5x21cm; 08 (tám) tờ giấy than kích thước 14x21cm; 10 (mười) cây viết bi các loại.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Nhựt T 01 (một) điện thoại di động SONY G3116 màu nâu, số IMEI: 357442080323523.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì khác, đồng ý đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo Cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 13/11/2017.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, bị cáo đã biết lỗi của mình nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng giữa tháng 7 năm 2017, bị cáo T gặp một người nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) tại một quán cà phê (không rõ tên hiệu) thuộc thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Sau khi làm quen, biết người nữ này nhận thầu đề nên T nảy sinh ý định ghi số đề và giao lại cho người nữ này thầu đề hưởng hoa hồng. Liên đó, T kêu người nữ này nhận thầu đề cho T, người nữ này đồng ý. T và người nữ này thỏa thuận, hàng ngày T sẽ ghi số đề cho các con bạc sau đó sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0983.901.758 của T nhắn tin các số đề ghi được trong ngày cho người nữ này thầu, qua số thuê bao 0962.239.037. Sáng ngày hôm sau, người nữ này sẽ đến nhà T để thu tiền ghi đề được (nếu thắng) và chung tiền cho T trả cho các con bạc (nếu thua) và T sẽ được hưởng 4% số tiền hoa hồng trên tổng số tiền ghi đề được trong ngày. Sau khi thỏa thuận với người nữ nhận thầu đề. Hàng ngày, Lưu Nhựt T ở nhà tại khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, nhận ghi số đề cho các con bạc từ 07 giờ 00 phút cho đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, ở các đài xổ số kiến thiết các tỉnh Miền Nam. Con bạc có thể ghi đề trực tiếp với T hoặc nhắn tin số đề muốn ghi đến số thuê bao 0983.901.758 của T, nếu đồng ý nhận ghi số đề T xác nhận lại bằng cách gửi tin nhắn có nội dung “OK” cho con bạc. Trong thời gian ghi đề, để giữ được số lượng con bạc tham gia ghi đề với T, T tính chiết khấu 20% số tiền con bạc ghi đề trên tổng số tiền thực tế con bạc phải trả cho T. Sau khi các con bạc ghi đề cho T xong, đến khoảng 16 giờ hàng ngày, T ngừng nhận ghi đề và tổng hợp thành một phôi đề. Sau đó, T dùng điện thoại di động hiệu Asus màu trắng đen, có số thuê bao 0983.901.758 nhắn tin giao các số đề ghi được đến số thuê bao 0962.239.037 cho người nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) thầu đề. Khoảng 15 giờ 55 phút ngày 07/8/2017, khi Lưu Nhựt T đang ghi đề cho Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979, ngụ tại khu phố 5, thị trấn D, huyện D tại nhà của T thì bị Công an huyện D phối hợp với Công an thị trấn D phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Như vậy, hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Tình trạng đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới nhiều hình thức là một tệ nạn của xã hội ngày càng tăng và diễn biến phức tạp. Hành vi đánh bạc của bị cáo T đã làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý xã hội và tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đây cũng là nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác. Bị cáo

là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được Nhà nước nghiêm cấm việc tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật để phạm tội. Trong vụ án này, bản thân bị cáo ghi số đề và giao lại cho người thầu đề để hưởng hoa hồng là hành vi đánh bạc trái phép. Mặt khác tại thời điểm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội “Đánh bạc”, pháp luật nhà nước có sự thay đổi theo hướng tăng mức định lượng về số tiền truy trách nhiệm hình sự từ 2.000.000 đồng lên đến 5.000.000 đồng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4] Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo T nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính và đang trực tiếp nuôi dưỡng mẹ già bị bệnh theo đơn cứu xét ngày 28/11/2017, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù không làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội và cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo được miễn chấp hành án phạt tù có điều kiện dưới sự giám sát, theo dõi của chính quyền địa phương nơi cư trú quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] Xét, ý kiến luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật truy tố và hình phạt là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi số đề của Hồ Hữu A, Phạm Công T, Bùi Văn G, Nguyễn Ngọc T, Lưu Thế P, Bùi Thanh D, Nguyễn Văn Q, Trương Hoài T, Đặng Thị T, Thạch T, Trương Hoài B, Nguyễn Thị Đ, Trần Văn P, Đặng Anh T, Trần Anh Đ, Võ Thị Ngọc G, Trịnh Văn T, Võ Thị Thu T, Phạm Thị Cẩm N, Phạm Hoàng V, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn H, Lý Thanh T với Lưu Nhựt T vào ngày 07/8/2017, do không đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” nên ngày 28/9/2017, Công an huyện Dầu Tiếng ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Mua các lô, số đề” mỗi người 350.000 đồng.

Đối với người nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng số thuê bao 0962.239.037 nhận thầu đề cho Lưu Nhựt T. Quá trình điều tra, xác minh tại Tổng đài của VIETTEL Dầu Tiếng do số thuê bao nói trên không đăng ký thông tin cá nhân cho nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không có căn cứ điều tra làm rõ xử lý.

Đối với người nam (không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng số thuê bao 01282.881.727 ghi số đề với Lưu Nhựt T. Quá trình điều tra, xác minh tại Tổng

đài của MOBIFONE Dầu Tiếng do số thuê bao nói trên không đăng ký thông tin cá nhân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không có căn cứ điều tra, làm rõ xử lý.

Đối với người nam (không rõ nhân thân, lai lịch) đi xe honda (không rõ biển số) hiệu Future ghi đề với Lưu Nhựt T do không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không có căn cứ điều tra, làm rõ xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 5.013.000 đồng mà Trần Anh Đ, Võ Thị Ngọc G, Trịnh Văn T, Võ Thị Thu T, Phạm Thị Cẩm N giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng. Đây là số tiền các con bạc sử dụng đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Số tiền 4.834.000 đồng (gồm 4.040.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang và 794.000 đồng Lưu Nhựt T giao nộp do có được từ việc thu tiền ghi đề của các con bạc trong ngày 07/8/2017). Xác định đây là số tiền mà bị cáo có được do phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) máy tính điện tử hiệu CASIO loại ĐX 120S; 01 (một) điện thoại di động ASUS màu trắng – đen, số IMEI: 356586063766743. Xét đây là phương tiện liên quan đến vụ án nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 07 cuốn tập học sinh hiệu Tiến Phát in bìa thể hệ mới chưa sử dụng, có chữ ký của Lưu Nhựt T; 45 tờ giấy trắng kích thước 4,5x21cm; 03 (ba) tờ giấy than kích thước 4,5x21cm; 08 (tám) tờ giấy than kích thước 14x21cm; 10 (mười) cây viết bi các loại. Xét đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động SONY G3116 màu nâu, số IMEI: 357442080323523. Xét đây là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến vụ án nên cần trao trả cho bị cáo T là hợp lý.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Nhựt T (tên gọi khác Na) phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Lưu Nhựt T (tên gọi khác Na) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 03 (ba) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 29/11/2017).

Giao bị cáo Lưu Nhật T về Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- Số tiền 5.013.000 đồng (năm triệu không trăm mười ba ngàn đồng) mà Trần Anh Đ, Võ Thị Ngọc G, Trịnh Văn T, Võ Thị Thu T, Phạm Thị Cẩm N giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng;

- Số tiền 4.834.000 đồng (bốn triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn đồng) (gồm 4.040.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang và 794.000 đồng Lưu Nhật T giao nộp do có được từ việc thu tiền ghi đề của các con bạc trong ngày 07/8/2017);

- 01 (một) máy tính điện tử hiệu CASIO loại ĐX 120S; 01 (một) điện thoại di động ASUS màu trắng – đen, số IMEI: 356586063766743.

+ Tịch thu tiêu hủy: 07 (bảy) cuốn tập học sinh hiệu Tiên Phát in bìa thể hệ mới chưa sử dụng, có chữ ký của Lưu Nhật T; 45 (bốn mươi lăm) tờ giấy trắng kích thước 4,5x21cm; 03 (ba) tờ giấy than kích thước 4,5x21cm; 08 (tám) tờ giấy than kích thước 14x21cm; 10 (mười) cây viết bi các loại.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Nhật T 01 (một) điện thoại di động SONY G3116 màu nâu, số IMEI: 357442080323523.

(Vật chứng trên thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/11/2017 và biên lai thu tiền số AA/2013/02273 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương).

3. Án phí: Áp dụng Khoản 1, Khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lưu Nhật T (tên gọi khác Na) nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND H. Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- UBND thị trấn D;
- Bị cáo; Người TGT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phan Xuân Nam

